TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:08/2026/QĐST-VDS	

TH, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Phạm Xuân Thành

- Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Hiếu- Thư ký Tòa án nhân Khu vực 10 - TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên họp: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 239/2026/TLST-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc *"Yêu cầu xác định cha cho con"* theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số:1004/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Bùi Thị T - Sinh năm 2000.

Căn cước công dân số: 038300020277

Địa chỉ: Làng Lau xã NA, tỉnh TH

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn NT, xã NA, tỉnh TH

Căn cước công dân số: 038095005919

2. Anh Chu Văn T - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã BB thành phố HN.

Căn cước công dân số: 001095042899

Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ, anh Chu Văn T, người yêu cầu giải quyết việc dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, quá trình giải quyết việc dân sự chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được. Vào khoảng đầu năm 2021, chị và anh Đ sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh TH đã ra bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST quyết định cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Trong thời gian sống ly thân với anh Phạm Văn Đ, chị có quan hệ tình cảm với anh Chu Văn T - Sinh năm 1995, Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố H, chị sinh con với anh T và làm giấy khai sinh có tên dự kiến khai sinh là Chu Văn P. Hiện tại chị và anh Chu Văn T đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 844/2026 ngày 06/5/2026 tại xã B, thành phố H. Cháu Chu Văn P là con đẻ của chị và anh Chu Văn T nhưng do cháu sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh Phạm Văn Đ nên nên đến thời điểm này chị chưa làm giấy khai sinh cho cháu Chu Văn P theo quy định được.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận và xác định anh Chu Văn T - Sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố H là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03 tháng 5 năm 2023 trong giấy chứng sinh số:13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ có ý kiến trình bày như sau: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do không hợp nhau về cách sống nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được. Vào khoảng đầu năm 2021, anh và chị Trọng sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh TH đã ra bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST quyết định cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T. Trong thời gian sống ly thân với anh, chị T có quan hệ tình cảm với anh Chu Văn T - Sinh năm 1995, Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố H, chị Trọng sinh con với anh T hiện tại chị T và anh T có một đứa con nhưng anh biết đó không phải là con của anh.

Nay chị Trọng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận và xác định anh Chu Văn T - Sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố H là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03 tháng 5 năm 2023 trong giấy chứng sinh số:13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023 thì anh hoàn toàn thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn T có lời trình bày như sau: Trước đây chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Đ đã ly hôn từ ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH. Trước khi ly hôn chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Đ đã sống ly thân nhau từ năm 2021. Đến ngày 03/5/2023 chị Trọng sinh con với anh và làm giấy chứng sinh có tên dự kiến khai sinh là Chu Văn P theo giấy chứng sinh số: 13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa

khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023. Ngày 06/5/2026 tôi và chị Bùi Thị T kết hôn tại xã B, thành phố H.

Anh và cháu Chu Văn P đã làm giấy xét nghiệm AND ngày 28/7/2026, kết quả anh và cháu Chu Văn P có quan hệ huyết thống cha con với độ tin cậy 99,9999%. Cháu Chu Văn P là con đẻ của anh và chị Bùi Thị T, nhưng do cháu sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T với anh Phạm Văn Đ cho nên đến thời điểm hiện tại anh và chị T chưa làm giấy khai sinh cho cháu Phạm Văn P được. Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 10- TH giải quyết công nhận và xác định anh là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03 tháng 5 năm 2023 trong chứng sinh số: 13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu và người liên quan được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 10 Điều 29; Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 88 Điều 89 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Bùi Thị T: Xác định anh Chu Văn T - Sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã Bất Bạt, thành phố Hà Nội là cha đẻ của cháu Chu Văn P do chị Bùi Thị T sinh ra ngày 03/5/2023.

Về lệ phí : Chị Bùi Thị T phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Chị Trọng đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn yêu cầu của chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án xác định anh Chu Văn T là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03/5/2023 là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 10 Điều 29, 35 điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ, anh Chu Văn T, người yêu cầu giải quyết việc dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều

có đơn xin vắng mặt tại phiên họp do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án xác định anh Chu Văn T là cha đẻ của cháu Chu Văn P; sinh ngày 03/5/2023. Qua các lời trình bày của chị Bùi Thị T, anh Chu Văn T và của anh Phạm Văn Đ đều thừa nhận và xác định anh Chu Văn T là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03/05/2023 nhưng do trước đây chị T có quan hệ tình cảm với anh T trong khi vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Đ nên hiện tại khi làm thủ tục khai sinh cho cháu Chu Văn P chị Trọng không khai sinh cho con theo quy định của pháp luật được.

[3] Tại bản kết luận giám định AND số: KQ2507390.12 ngày 28/7/2025 của Công ty TNHH MEDLATEC Việt Nam; Kết luận: "Hai người trên có quan hệ huyết thống cha - con trai độ tin cậy trên 99,9999%." Do đó, căn cứ Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của chị Bùi Thị T xác định anh Chu Văn T là cha đẻ của cháu Chu Văn P; sinh ngày 03/5/2023 trong giấy chứng sinh số: 13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết việc dân sự là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29, 39, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 88, 101, 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T: Xác định anh Chu Văn T - Sinh năm 1995, Địa chỉ: Thôn T, xã BB, thành phố H là cha đẻ của cháu có tên dự kiến khai sinh Chu Văn P; sinh ngày 03 tháng 05 năm 2023 trong giấy chứng sinh số: 13 Quyển số 08 do Do bệnh viện đa khoa huyện BV (nay là thành phố H) cấp ngày 03/05/2023.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0004916 ngày 16/06/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh TH. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ lệ phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng

nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND KV 10 - TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Xuân Thành